

TRÍCH YẾU LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Tên đề tài: Phân tích biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và hiệu quả nuôi tôm biển của nông hộ tỉnh Bến Tre

Chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp **Mã số:** 62.62.01.15

Tên tác giả: Võ Thái Hiệp

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh

1. Mục tiêu và đối tượng nghiên cứu của luận án

Mục tiêu

Mục tiêu tổng quát

Phân tích biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH) và hiệu quả nuôi tôm biển nông hộ tại tỉnh Bến Tre

Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Phân tích thực trạng thích ứng với BĐKH của hộ nuôi tôm biển tại tỉnh Bến Tre

Mục tiêu 2: Đánh giá tính dễ bị tổn thương của hộ nuôi tôm biển do BĐKH tại tỉnh Bến Tre

Mục tiêu 3: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng biện pháp thích ứng với BĐKH của hộ nuôi tôm biển tại tỉnh Bến Tre

Mục tiêu 4: Phân tích ảnh hưởng của các biện pháp thích ứng BĐKH đến hiệu quả nuôi tôm biển tại tỉnh Bến Tre

Mục tiêu 5: Đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng thích ứng, giảm tính dễ bị tổn thương do BĐKH và nâng cao hiệu quả sản xuất cho các hộ nuôi tôm.

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý thuyết và thực tiễn về tính dễ bị tổn thương, sự thích ứng và hiệu quả sản xuất của hộ nuôi tôm. Đối tượng khảo sát là các hộ nuôi tôm sú quảng canh cải tiến và tôm thẻ chân trắng thâm canh tại tỉnh Bến Tre, đây là hai mô hình nuôi tôm phổ biến ở Đồng bằng sông Cửu Long nói chung và tỉnh Bến Tre nói riêng.

2. Các phương pháp chủ yếu sử dụng trong nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp về thời tiết, khí hậu, diện tích, sản lượng được thu thập từ Cục Thống kê, Chi cục Thủy sản, Sở Tài nguyên và Môi trường. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp 262 hộ nuôi tôm bằng bảng câu hỏi soạn sẵn tại 3 huyện ven biển tỉnh Bến Tre bao gồm 92 hộ nuôi tôm sú quảng canh cải tiến và 170 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng thích ứng BĐKH; cách tiếp cận IPCC bao gồm ba yếu tố là sự phơi lộ, sự nhạy cảm và khả năng thích ứng để đề xuất bộ chỉ số đánh giá tính dễ bị tổn thương của hộ nuôi tôm do BĐKH; mô hình Multivariate Probit để xác định sự tương tác giữa các biện pháp thích ứng và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định áp dụng biện pháp thích ứng BĐKH; mô hình hàm sản xuất biên và lợi nhuận biên ngẫu nhiên dạng Cobb – Douglas theo phương pháp ước lượng một bước để xác định mức hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân tích ảnh hưởng của các biện pháp thích ứng và tính dễ bị tổn thương của hộ nuôi tôm do BĐKH đến hiệu quả kỹ thuật và kinh tế.

3. Các kết quả chính và kết luận

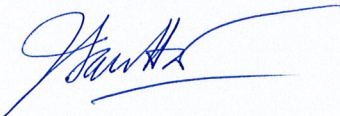
Các hộ nuôi tôm nhận thấy hiện tượng thời tiết, khí hậu có xu thế tiêu cực và thất thường hơn, ảnh hưởng đến hoạt động nuôi tôm của họ. Để giảm những thiệt hại do BĐKH gây ra, hộ nuôi tôm đã từng bước tìm ra các biện pháp thích ứng. Trên cơ sở thực hiện nghiên cứu chuyên sâu, luận án đã nhận diện 14 biện pháp thích ứng với BĐKH trong nuôi tôm được tổng hợp thành 4 nhóm biện pháp là điều chỉnh lịch thời vụ, điều chỉnh kỹ thuật, đa dạng hóa sản xuất và phòng ngừa rủi ro. Cường độ áp dụng các biện pháp thích ứng này thấp trong khi hiệu quả áp dụng chúng lại được các hộ đánh giá cao. Ngoài ra, khả năng áp dụng các biện pháp thích ứng của hộ nuôi tôm cũng gặp phải một số rào cản nhất định như gặp hạn chế nhận thức về tầm quan trọng BĐKH, thiếu kiến thức kỹ thuật về các biện pháp thích ứng, trình độ văn hóa thấp, nguồn thu nhập thấp và tiếp cận thông tin về BĐKH hạn chế.

Luận án đã đề xuất được bộ chỉ số đánh giá tính dễ bị tổn thương do BĐKH ở cấp hộ nuôi tôm bao gồm 3 chỉ số chính, 13 chỉ số phụ và 42 biến số, đồng thời đã thiết lập được phương pháp tính toán chỉ số dễ bị tổn thương. Phương pháp tính cùng với bộ chỉ số này có thể đúc kết để vận dụng cho các khu vực khác hay mô hình nuôi thủy sản có điều kiện tương đồng. Luận án đã đánh giá tính dễ bị tổn thương cho từng hộ nuôi tôm tỉnh Bến Tre theo hai mô hình tôm sú quảng canh cải tiến và tôm thẻ chân trắng thâm canh với giá trị trung bình của chỉ số dễ bị tổn thương lần lượt là 0,517 và 0,524. Nhìn chung, đa số các hộ nuôi tôm ở tỉnh Bến Tre có chỉ số dễ bị tổn thương từ mức trung bình đến cao.

Kết quả hồi quy Multivariate Probit cho thấy giữa biện pháp điều chỉnh lịch thời vụ và điều chỉnh kỹ thuật có tính bổ sung cho nhau. Giữa biện pháp điều chỉnh lịch thời vụ và phòng ngừa rủi ro, giữa biện pháp điều chỉnh kỹ thuật và đa dạng hóa sản xuất, giữa biện pháp đa dạng hóa sản xuất và phòng ngừa rủi ro có thể thay thế cho nhau. Các yếu tố bao gồm đặc điểm hộ, tiếp cận dịch vụ xã hội, nhận thức về BĐKH và chỉ số phơi lộ có ảnh hưởng khác nhau đến việc áp dụng các biện pháp thích ứng. Các hộ có điều kiện sản xuất, tiếp cận dịch vụ xã hội, nhận thức về BĐKH tốt hơn thì khả năng áp dụng các biện pháp thích ứng với BĐKH cao hơn. Ngược lại, hộ có chỉ số phơi lộ ở mức dễ bị tổn thương càng cao thì khả năng áp dụng các biện pháp thích ứng với BĐKH càng thấp.

Mức hiệu quả tài chính, hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của các hộ nuôi tôm trong nghiên cứu này là thấp hơn so với một số nghiên cứu trước đây do nghiên cứu này có xem xét đến ảnh hưởng của BĐKH. Những hộ nuôi tôm có chỉ số dễ bị tổn thương do BĐKH càng cao thì mức hiệu quả kỹ thuật và kinh tế mang lại sẽ càng thấp. Kiểm định trung bình mẫu độc lập, ước lượng hàm sản xuất biên ngẫu nhiên và lợi nhuận biên ngẫu nhiên đều cho thấy nhóm hộ áp dụng các biện pháp điều chỉnh lịch thời vụ, điều chỉnh kỹ thuật, phòng ngừa rủi ro có hiệu quả nuôi tôm cao hơn so với nhóm hộ không áp dụng. Tuy nhiên, hộ nuôi tôm áp dụng biện pháp đa dạng hóa sản xuất lại có xu hướng đạt hiệu quả sản xuất thấp hơn so với hộ không áp dụng do tính chất công việc nuôi tôm có sự chuyên môn hóa cao. Ngoài ra, trình độ học vấn, khuyến nông, diện tích, số lượng nguồn thông tin tiếp cận về BĐKH cũng là những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng khác nhau đến mức hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả kinh tế của hộ nuôi tôm.

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN



PGS.TS. Đặng Thanh Hà

NGHIÊN CỨU SINH



Võ Thái Hiệp